

Số: /KH-UBND

Phú Thịnh, ngày 28 tháng 8 năm 2025

KẾ HOẠCH

Thực hiện công tác rà soát hộ nghèo, hộ cận nghèo năm 2025 trên địa bàn xã Phú Thịnh

Căn cứ Nghị định số 07/2021/NĐ-CP, ngày 27/01/2021 của Chính phủ quy định chuẩn nghèo đa chiều giai đoạn 2021-2025;

Căn cứ Quyết định số 24/2021/QĐ-TTg, ngày 16/7/2021 của Thủ tướng Chính phủ quy định quy trình rà soát hộ nghèo, hộ cận nghèo hằng năm và quy trình xác định hộ làm nông nghiệp, ngư nghiệp và diêm nghiệp có mức sống trung bình giai đoạn 2022-2025;

Căn cứ Thông tư số 07/2021/TT-BLĐTBXH, ngày 18/7/2021 của Bộ Lao động Thương binh và Xã hội hướng dẫn phương pháp rà soát, phân loại hộ nghèo, hộ cận nghèo; xác định thu nhập của hộ làm nông nghiệp, lâm nghiệp, ngư nghiệp, diêm nghiệp có mức sống trung bình giai đoạn 2022-2025 và mẫu biểu báo cáo; Thông tư số 02/2022/TT-BLĐTBXH ngày 30/3/2022 của Bộ Lao động Thương binh và Xã hội về sửa đổi, bổ sung một số nội dung của Thông tư số 07/2021/TT-BLĐTBXH ngày 18/7/2021;

Ủy ban nhân dân xã Phú Thịnh ban hành kế hoạch thực hiện công tác rà soát hộ nghèo, hộ cận nghèo năm 2025 trên địa bàn xã Phú Thịnh, cụ thể như sau:

I. MỤC ĐÍCH, YÊU CẦU.

1. Mục đích:

Rà soát, xác định số hộ, tỷ lệ hộ nghèo, hộ cận nghèo theo chuẩn nghèo đa chiều giai đoạn 2022-2025 được quy định tại Khoản 2, Điều 3, Nghị định số 07/2021/NĐ-CP, ngày 27/01/2021 của Chính Phủ làm cơ sở đánh giá kết quả thực hiện giảm tỷ lệ hộ nghèo, hộ cận nghèo năm 2025 trên địa bàn xã.

2. Yêu cầu:

- Thực hiện đúng quy trình theo quy định của Thủ tướng Chính phủ và hướng dẫn của Bộ Nông nghiệp và Môi trường.
- Phải xác định đúng hộ nghèo, hộ cận nghèo; không bị trùng lặp, bỏ sót đối tượng; phản ánh đúng thực trạng đời sống nhân dân của địa phương.
- Công khai minh bạch kế hoạch, quy trình rà soát hộ nghèo, hộ cận nghèo.
- Việc rà soát phải được thực hiện từ cấp xóm và trực tiếp đối với từng hộ gia đình.
- Kết thúc rà soát phải xác định được chính xác tỷ lệ (%), số hộ và danh sách hộ, thành viên hộ nghèo, hộ cận nghèo; danh sách hộ thoát nghèo, hộ thoát cận nghèo

đề theo dõi, thống nhất quản lý; báo cáo Chủ tịch UBND xã đúng thời gian và nội dung quy định.

II. THỜI GIAN, ĐỐI TƯỢNG, PHƯƠNG PHÁP.

1. Thời gian rà soát:

- Định kỳ: Từ ngày 01/9/2025 đến hết ngày 14/12/2025.
- Thường xuyên hàng năm: Mỗi tháng một lần, thực hiện từ ngày 15 hàng tháng.

2. Đối tượng:

- Hộ gia đình trên phạm vi toàn xã.
- Các nhân tham gia rà soát hộ nghèo, hộ cận nghèo.

3. Phương pháp rà soát hộ nghèo, cận nghèo: Là phương pháp khảo sát thu thập thông tin của hộ gia đình để ước lượng thu nhập và xác định mức độ thiếu hụt các dịch vụ xã hội cơ bản của hộ nghèo, hộ cận nghèo bảo đảm phù hợp với chuẩn nghèo theo quy định tại Điều 3, Nghị định số 07/2021/NĐ-CP ngày 27/01/2021 của Chính phủ quy định chuẩn nghèo đa chiều giai đoạn 2021 - 2025.

III. QUY TRÌNH RÀ SOÁT.

1. Quy trình rà soát hộ nghèo, hộ cận nghèo định kỳ hằng năm (Theo quy định tại Điều 4, Quyết định số 24/2021/QĐ-TTg):

Bước 1. Lập danh sách hộ gia đình cần rà soát: Ban Chỉ đạo rà soát hộ nghèo, hộ cận nghèo xã chủ trì, phối hợp với xóm và rà soát viên lập danh sách hộ gia đình cần rà soát, gồm:

a. Hộ gia đình thuộc danh sách hộ nghèo, hộ cận nghèo do Ủy ban nhân dân xã đang quản lý tại thời điểm rà soát.

b. Hộ gia đình có Giấy đề nghị rà soát hộ nghèo, hộ cận nghèo (Mẫu số 01 kèm theo QĐ số 24/2021/QĐ-TTg).

Lưu ý: Trên địa bàn xã các bộ rà soát nhận diện những hộ gia đình có 01 trong các điều kiện sau đây không thuộc đối tượng rà soát hộ nghèo, hộ cận nghèo gồm:

- + Hộ có mức sống khá hoặc có nhà ở cấp 1, cấp 2.
- + Hộ sở hữu doanh nghiệp, xưởng sản xuất, cơ sở kinh doanh thương mại, dịch vụ thuê mướn từ 03 lao động trở lên.
- + Hộ kinh doanh có đăng ký và nộp thuế từ 100 triệu đồng trở lên.
- + Hộ gia đình sở hữu trang trại hoặc chăn nuôi đàn gia súc, gia cầm, vật nuôi khác có giá trị từ 200 triệu đồng trở lên.
- + Hộ có một trong các loại tài sản sử dụng trong sản xuất kinh doanh như: ô tô, máy xúc, máy xay sạt, máy tuốt lúa, máy cấy, máy giặt, máy cày, máy công nông, lồng cá và các tài sản khác từ 200 triệu đồng trở lên.

+ Trong trường hợp hộ gia đình có từ 04 chỉ tiêu trở lên trong phiếu A (theo hướng dẫn là không cần rà soát) nhưng cán bộ rà soát nhận diện có khả năng nghèo, cận nghèo theo chuẩn mới, có thể đưa vào danh sách cần rà soát với ghi chú là hộ có khả năng nghèo, cận nghèo.

Bước 2. Tổ chức rà soát, phân loại hộ gia đình:

1. Ban Chỉ đạo rà soát cấp xã chủ trì, phối hợp với trưởng xóm và rà soát viên thu thập thông tin hộ gia đình, tính điểm, tổng hợp và phân loại hộ gia đình (theo Phụ lục III, Mẫu số 3.1. Phiếu B1 – Thông tin chung về hộ gia đình) những hộ có trong danh sách hộ cần rà soát đã xác định ở Bước 1 nêu trên. Sau đó sử dụng Mẫu số 3.2. Phiếu B2 – Thông tin hộ gia đình về các chỉ tiêu nhu cầu xã hội cơ bản; Mẫu số 3.6. Bảng chấm điểm Phiếu B1 khu vực nông thôn để chấm điểm, tổng hợp điểm để ước lượng thu thập và xác định mức độ thiếu hụt các dịch vụ xã hội cơ bản của hộ nghèo và hộ cận nghèo, như sau:

- Về mức thu nhập bình quân đầu người (gọi là điểm B1): ở khu vực nông thôn, 140 điểm tương đương với mức thu nhập bình quân đầu người 1.500.000 đồng/người/tháng (sử dụng mẫu số 3.6, bảng chấm điểm phiếu B1).

- Về mức độ thiếu hụt dịch vụ xã hội cơ bản (gọi là điểm B2): 10 điểm tương đương với 01 chỉ số đo lường mức độ thiếu hụt dịch vụ xã hội cơ bản (sử dụng Mẫu số 3.2. Phiếu B2 – Thông tin hộ gia đình về các chỉ tiêu nhu cầu xã hội cơ bản để chấm điểm).

2. Căn cứ kết quả chấm điểm B1, B2 nêu trên, tiến hành phân loại hộ nghèo, hộ cận nghèo:

- Hộ nghèo: hộ có điểm $B1 \leq 140$ điểm và điểm $B2 \geq 30$ điểm ở khu vực nông thôn.

- Hộ cận nghèo: hộ có điểm $B1 \leq 140$ điểm và điểm $B2 < 30$ điểm ở khu vực nông thôn.

Chú ý: Các phiếu rà soát thu thập thông tin hộ gia đình và bảng chấm điểm đều phải điền đầy đủ các thông tin, có đầy đủ các chữ ký theo quy định.

3. Sau đó điền kết quả phân loại hộ nghèo, hộ cận nghèo vào danh sách (theo Phụ lục 1) đã lập ở Bước 1.

Bước 3. Tổ chức họp dân để thống nhất kết quả rà soát tại Nhà văn hóa xóm.

a. Thành phần cuộc họp: Ban Chỉ đạo rà soát cấp xã, chuyên viên được giao nhiệm vụ làm công tác giảm nghèo cấp xã, Trưởng xóm (chủ trì họp), Bí thư Chi bộ thôn, đoàn thể, rà soát viên và một số đại diện hộ gia đình qua rà soát, hộ gia đình khác; mời đại diện Mặt trận Tổ quốc Việt Nam cấp xã giám sát.

b. Nội dung cuộc họp: Lấy ý kiến thống nhất của ít nhất 50% tổng số người tham dự cuộc họp về kết quả đánh giá, tính điểm đối với các hộ gia đình qua rà soát (chủ yếu tập trung vào các hộ nghèo, hộ cận nghèo mới phát sinh và hộ thoát nghèo, hộ thoát cận nghèo). Trường hợp ý kiến thống nhất dưới 50%, thực hiện rà soát lại theo quy định tại Bước 2, điểm a và b Bước 3.

c. Kết quả cuộc họp được lập thành 02 biên bản, có chữ ký của chủ trì, thư ký cuộc họp và đại diện của các hộ dân (01 bản lưu ở xóm, 01 bản gửi BCD rà soát cấp xã). (Biên bản kết quả họp dân để thống nhất kết quả rà soát theo Phụ lục V)

Bước 4. Niêm yết, thông báo công khai:

a. Niêm yết công khai kết quả rà soát hộ nghèo, hộ cận nghèo tại nhà văn hóa xóm và trụ sở UBND cấp xã; thông báo qua hệ thống trạm truyền thanh xã, loa phát thanh của xóm hoặc trên các phương tiện thông tin đại chúng khác (nếu có) **trong thời gian 03 ngày làm việc.**

b. Trong thời gian niêm yết, thông báo công khai, trường hợp có khiếu nại của người dân, Ban Chỉ đạo rà soát cấp xã tổ chức phúc tra kết quả rà soát theo đúng quy trình rà soát **trong thời gian không quá 07 ngày làm việc**, kể từ ngày nhận được khiếu nại; niêm yết công khai kết quả phúc tra tại nhà văn hóa hoặc nhà sinh hoạt cộng đồng thôn và trụ sở UBND cấp xã trong thời gian 03 ngày làm việc.

c. Hết thời hạn niêm yết công khai và phúc tra (nếu có), Ban Chỉ đạo rà soát cấp xã tổng hợp, báo cáo Phó Chủ tịch UBND cấp xã phụ trách về danh sách hộ nghèo, hộ cận nghèo và danh sách hộ thoát nghèo, hộ thoát cận nghèo (sau khi rà soát).

Bước 5. Báo cáo, xin ý kiến của Chủ tịch UBND cấp tỉnh (qua Chi cục Kinh tế hợp tác và phát triển nông thôn thuộc Sở Nông nghiệp và Môi trường tỉnh) trước ngày **01/12/2025**.

a. Chủ tịch UBND cấp xã báo cáo bằng văn bản, gửi Chủ tịch UBND tỉnh về kết quả rà soát hộ nghèo, hộ cận nghèo trên địa bàn.

b. Trong thời gian 05 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được báo cáo, Chủ tịch UBND cấp tỉnh có ý kiến trả lời bằng văn bản.

Bước 6. Công nhận hộ nghèo, hộ cận nghèo và hộ thoát nghèo, hộ thoát cận nghèo trên địa bàn xã.

Chủ tịch UBND cấp xã tiếp thu ý kiến của Chủ tịch UBND cấp tỉnh, ban hành quyết định công nhận danh sách hộ nghèo, hộ cận nghèo và danh sách hộ thoát nghèo, hộ thoát cận nghèo trên địa bàn (Mẫu số 02 và 03 kèm theo QĐ số 24/2021/QĐ-TTg).

Bước 7. Công tác báo cáo.

UBND cấp xã báo cáo kết quả rà soát hộ nghèo, hộ cận nghèo trên địa bàn xã gửi về Sở Nông nghiệp và Môi trường sau khi Chủ tịch UBND xã ban hành Quyết định công nhận danh sách hộ nghèo, hộ cận nghèo và danh sách hộ thoát nghèo, hộ thoát cận nghèo trên địa bàn xã.

(Mẫu báo cáo theo Phụ lục VII, từ mẫu số 7.1 đến 7.11)

2. Quy trình rà soát hộ nghèo, hộ cận nghèo thường xuyên hàng năm (Theo quy định tại Điều 5 Quyết định số 24/2021/QĐ-TTg):

- Hộ gia đình có giấy đề nghị rà soát hộ nghèo, hộ cận nghèo theo Mẫu số 01 hoặc giấy đề nghị công nhận hộ thoát nghèo, hộ thoát cận nghèo theo Mẫu số 04 (*nộp trực tiếp hoặc gửi qua đường bưu điện đến Chủ tịch UBND cấp xã*).

- Chủ tịch UBND cấp xã chỉ đạo Ban Chỉ đạo rà soát cấp xã thực hiện rà soát hộ nghèo, hộ cận nghèo thường xuyên theo quy trình quy định tại Bước 2, Bước 3 và Bước 4; quyết định công nhận hộ nghèo, hộ cận nghèo hoặc hộ thoát nghèo, hộ thoát cận nghèo; cấp Giấy chứng nhận hộ nghèo, hộ cận nghèo trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày bắt đầu rà soát theo quy định tại điểm b khoản 1 Điều 3 Quyết định 24/2021/QĐ-TTg (*Thời gian rà soát thường xuyên hằng năm: Mỗi tháng 01 lần, thực hiện từ ngày 15 hàng tháng*). Trường hợp không đủ điều kiện theo quy định, Chủ tịch UBND cấp xã trả lời bằng văn bản và nêu rõ lý do.

IV. TIẾN ĐỘ THỰC HIỆN.

1. Công tác chuẩn bị:

- Thành lập hoặc kiện toàn Ban Chỉ đạo rà soát hộ nghèo, hộ cận nghèo cấp xã.
- Triển khai kế hoạch, tập huấn nghiệp vụ cho các thành viên Ban chỉ đạo rà soát cấp xã và rà soát viên.

2. Tổ chức rà soát, báo cáo kết quả rà soát:

2.1. Thời gian thực hiện: Từ ngày 01/9/2025 đến ngày 20/09/2025. Trong đó: Báo cáo sơ bộ trước 10/9/2024; báo cáo chính thức trước ngày: 20/9/2024.

2.2. Phúc tra kết quả rà soát hộ nghèo, hộ cận nghèo:

Chuyên viên phòng kinh tế xã tham mưu cho UBND xã thành lập Đoàn kiểm tra, phúc tra lại kết quả rà soát hộ nghèo, hộ cận nghèo năm 2025 tại các xóm, cụ thể:

+ Thành phần Đoàn kiểm tra: Thành viên Ban chỉ đạo rà soát hộ nghèo, hộ cận nghèo xã.

+ Hình thức kiểm tra: Theo kế hoạch của Ban chỉ đạo xã hoặc kiểm tra đột xuất tại các hộ gia đình.

+ Thời gian kiểm tra: Từ ngày 15/9/2025 đến ngày 30/09/2025.

3.3. Biểu mẫu kèm theo báo cáo:

* *Kết quả rà soát theo Thông tư hướng dẫn của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội đã được hợp nhất tại Văn bản 1315/VBHN-BLĐTBXH ngày 13/4/2023: Phụ lục số I*

- Báo cáo sơ bộ kèm theo Biểu mẫu số 7.1. Tổng hợp kết quả rà soát hộ nghèo, hộ cận nghèo:

- Báo cáo chính thức kết quả rà soát hộ nghèo kèm theo quyết định phê duyệt kết quả rà soát hộ nghèo, hộ cận nghèo năm 2025 của Chủ tịch UBND cấp xã kèm theo các biểu báo cáo theo mẫu sau:

Mẫu số 7.1. Tổng hợp kết quả rà soát hộ nghèo, hộ cận nghèo.

Mẫu số 7.2. Tổng hợp diễn biến hộ nghèo trong năm.

Mẫu số 7.3. Tổng hợp diễn biến hộ cận nghèo trong năm.

Mẫu số 7.4. Phân tích các chỉ số thiếu hụt dịch vụ xã hội cơ bản của hộ nghèo.

Mẫu số 7.5. Phân tích tỷ lệ các chỉ số thiếu hụt dịch vụ xã hội cơ bản của hộ nghèo.

Mẫu số 7.6. Phân tích các chỉ số thiếu hụt dịch vụ xã hội cơ bản của hộ cận nghèo.

Mẫu số 7.7. Phân tích tỷ lệ các chỉ số thiếu hụt dịch vụ xã hội cơ bản của hộ cận nghèo.

Mẫu số 7.8. Phân tích hộ nghèo theo các nhóm đối tượng.

Mẫu số 7.9. Phân tích hộ nghèo theo các nhóm dân tộc.

Mẫu số 7.10. Phân tích hộ nghèo theo các nguyên nhân nghèo.

Mẫu số 7.11. Tổng hợp chỉ số thiếu hụt của trẻ em thuộc hộ nghèo, hộ cận nghèo

* Kết quả rà soát theo công văn số 1935/LĐT BXH-VPQGGN ngày 10/5/2024 của Bộ Lao động - TBXH: **Phụ lục số II.**

(có Phụ lục và các biểu mẫu báo cáo kèm theo)

V. KINH PHÍ THỰC HIỆN.

Kinh phí tổ chức thực hiện rà soát hộ nghèo, cận nghèo hàng năm và cập nhật cơ sở dữ liệu hộ nghèo, hộ cận nghèo trên địa bàn do ngân sách địa phương bố trí theo quy định về chế độ tài chính hiện hành

VI. TỔ CHỨC THỰC HIỆN.

1. Phòng Kinh tế xã:

- Xây dựng và triển khai thực hiện kế hoạch rà soát hộ nghèo, hộ cận nghèo năm 2025 trên địa bàn cấp xã. Kiện toàn Ban Chỉ đạo rà soát hộ nghèo, hộ cận nghèo.

- Tham mưu cho Chủ tịch UBND cấp xã quyết định công nhận danh sách hộ nghèo, hộ cận nghèo; danh sách hộ thoát nghèo, thoát cận nghèo và cấp Giấy chứng nhận hộ nghèo, hộ cận nghèo.

- Phối hợp với các phòng ban chuyên môn của xã tổ chức thực hiện rà soát hộ nghèo, hộ cận nghèo năm 2025 theo quy định, trong đó chỉ đạo rà soát việc thực hiện ứng dụng công nghệ thông tin trong rà soát, quản lý hộ nghèo, hộ cận nghèo; Thực hiện tốt công tác rà soát hộ nghèo, hộ cận nghèo hằng năm với công tác rà soát hộ nghèo, hộ cận nghèo thường xuyên và xác định hộ có mức thu nhập trung bình theo quy định.

2. Phòng Văn hóa – xã hội xã: Phổ biến, tuyên truyền mục đích, ý nghĩa, yêu cầu của công tác rà soát hộ nghèo, hộ cận nghèo hằng năm trên các phương tiện truyền thông; chủ động phát hiện hộ gia đình gặp khó khăn, biến cố rủi ro trong năm để hướng dẫn hộ gia đình đăng ký rà soát.

Tuyên truyền phổ biến Nghị định số 07/2021/NĐ-CP; Quyết định số 24/2021/QĐ- TTg; Kế hoạch tổ chức rà soát hộ nghèo, hộ cận nghèo năm 2025, để nâng cao nhận thức của người dân về mục đích ý nghĩa, yêu cầu của việc rà soát hộ nghèo, hộ cận nghèo.

2. Thành viên Ban chỉ đạo rà soát hộ nghèo, cận nghèo xã:

Căn cứ chức năng nhiệm vụ được giao, phối hợp với phòng Kinh tế xã tổ chức triển khai, kiểm tra, giám sát việc rà soát trên địa bàn xã.

Thường xuyên phối hợp kiểm tra, giám sát việc rà soát ở các xóm được phân công phụ trách.

Tổ chức phúc tra lại kết quả rà soát hộ nghèo, cận nghèo tại các xóm được phân công phụ trách.

3. Đề nghị Ủy ban MTTQ và các đoàn thể: Tổ chức tuyên truyền, phổ biến, giám sát việc thực hiện quy trình về thực hiện rà soát hộ nghèo, hộ cận nghèo năm 2025 theo quy định.

Trên đây là Kế hoạch Thực hiện công tác giảm nghèo 6 tháng cuối năm 2025; phương hướng, nhiệm vụ công tác năm 2026 trên địa bàn xã Phú Thịnh./.

Nơi nhận:

- TT Đảng ủy, TT HĐND (b/cáo);
- Chủ tịch và các PCT (b/cáo);
- Phòng Kinh tế (t/hiện);
- Phòng VH-XH (t/hiện);
- CT UBMTTQ xã và các đoàn thể xã;
- Lưu: VT, KT

CHỦ TỊCH

Nguyễn Ngọc Hưng

KẾ HOẠCH GIẢM NGHÈO 06 THÁNG CUỐI NĂM 2025

(Kèm theo Kế hoạch số /KH-UBND ngày tháng 7 năm 2025 của UBND xã Phú Thịnh)

TT	Đơn vị	Tổng số hộ dân cư	Số hộ nghèo, cận nghèo tại thời điểm tháng 7/2025				Kế hoạch giảm nghèo 06 tháng cuối năm 2025			
			Hộ nghèo		Cận nghèo		Hộ nghèo		Hộ cận nghèo	
			Số hộ	Tỷ lệ (%)	Số hộ	Tỷ lệ (%)	Số hộ thoát (hộ)	Tỷ lệ giảm (%)	Số hộ thoát (hộ)	Tỷ lệ giảm (%)
1	Bản Ngoại	2164	44	2,03	28	1,29	13	0,60	6	0,27
2	Phú Thịnh	1167	40	3,43	38	3,26	14	1,19	7	0,41
3	Phú Cường	1919	52	2,71	88	4,58	18	0,93	14	0,72
Tổng		5250	136	2,59	154	2,93	45	0,85	27	0,51

(Kế hoạch giảm nghèo 06 tháng cuối năm 2025 căn cứ vào Quyết định số 4114/QĐ-UBND ngày 24/6/2025 của UBND huyện Đại Từ về giao chỉ tiêu giảm nghèo cho mỗi xã)

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

GIẤY ĐỀ NGHỊ RÀ SOÁT HỘ NGHÈO, CẶN NGHÈO

Kính gửi: Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã Phú Thịnh

Họ và tên:, Giới tính (1: Nam; 2: Nữ):

Sinh ngày..... tháng..... năm....., Dân tộc:

Số CCCD: Ngày Cấp:/...../.....

Nơi thường trú:.....

Nơi ở hiện tại:.....

Thông tin các thành viên của hộ:

TT	Họ và tên	Giới tính (1:Nam; 2: Nữ)	Ngày, tháng, năm sinh	Quan hệ với chủ hộ (Chủ hộ/ vợ/chồng/ bố/mẹ/con...)	Tình trạng (Có việc làm/ Không có việc làm/ Đang đi học)
01					
02					
03					
...					

Lý do đề nghị.....

.....
.....
.....
.....

.....ngày tháng..... năm

NGƯỜI ĐỀ NGHỊ

(Ký, ghi rõ họ tên)

1 Rà soát hộ nghèo, hộ cận nghèo hoặc xác định hộ có mức sống trung bình.

2 Hộ gia đình đề nghị rà soát hộ nghèo, hộ cận nghèo vì các lý do như:

- Bị ảnh hưởng bởi thiên tai (hạn hán, lũ lụt, bão, giông lốc, sóng thần); môi trường bị ô nhiễm nặng; tai nạn lao động, tai nạn giao thông, bệnh tật nặng; rủi ro về kinh tế (chịu thiệt hại nặng về các tài sản chủ yếu như nhà ở, công cụ sản xuất, mất đất sản xuất, mất mùa, dịch bệnh); rủi ro về xã hội (bị lừa đảo, là nạn nhân của tội phạm)...

- Có biến động về nhân khẩu trong hộ gia đình (có thêm con, bộ đội xuất ngũ trở về gia đình, lao động chính trong hộ bị chết...).

